

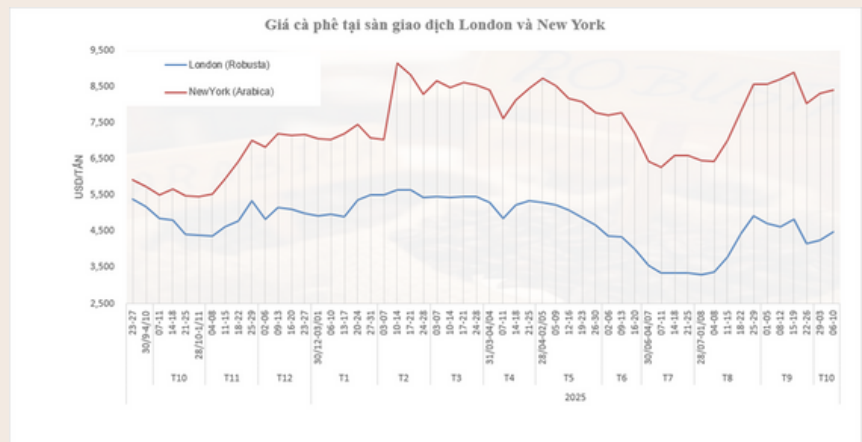
NGÀNH HÀNG CÀ PHÊ

www.thitruongnongsan.gov.vn

ĐIỂM TIN

- Giá cà phê tăng trên hai sàn giao dịch New York và London trong tuần từ 06/10/2025 - 10/10/2025.
- Theo ICO, xuất khẩu cà phê toàn cầu tháng 8/2025 giảm tại Nam Mỹ và Trung Mỹ, trong khi khu vực Châu Á duy trì đà tăng trưởng tích cực.
- Sản lượng và xuất khẩu cà phê của Colombia trong tháng 9/2025 tăng so với cùng kỳ năm trước.
- Xuất khẩu cà phê Brazil giảm mạnh dù thời tiết đang ủng hộ cho vụ mùa 2026/2027.

THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ THẾ GIỚI

GIÁ CÀ PHÊ THẾ GIỚI

Trong tuần 06/10/2025 đến 10/10/2025, giá cà phê thế giới tăng trên hai sàn giao dịch London và New York. Cụ thể, giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 11/2025 tại thị trường London bình quân đạt 4.504 USD/tấn, tăng 5,7% so với tuần trước và giảm 7,6% so với cùng kỳ năm 2024. Giá cao nhất trong tuần đạt 4.568 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 4.414 USD/tấn. [1]

Tại thị trường New York, giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 12/2025 bình quân đạt 8.421 USD/tấn, tăng 1,2% so với tuần trước, và tăng 52,6% so với cùng kỳ năm 2024. Giá cao nhất trong tuần đạt 8.615 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 8.276 USD/tấn.[1]

XUẤT KHẨU CÀ PHÊ TOÀN CẦU

Theo Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO), xuất khẩu cà phê toàn cầu đạt 11,35 triệu bao trong tháng 8/2025, giảm 3,73% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, lũy kế xuất khẩu trong 11 tháng niên vụ cà phê 2024/25 (từ tháng 10/2024 đến tháng 8/2025) vẫn tăng nhẹ 0,20% so với cùng kỳ năm trước, đạt tổng cộng 127,92 triệu bao.[2]

Báo cáo cho thấy hoạt động xuất khẩu của khu vực Nam Mỹ trong tháng 8/2025 suy giảm, với lượng xuất khẩu sang các thị trường tiêu thụ giảm 14,30% so với cùng kỳ năm trước, chỉ đạt 4,94 triệu bao tính đến cuối tháng 8. Riêng tại Brazil, xuất khẩu cà phê giảm 23,20%, xuống còn 3,14 triệu bao. Nguyên nhân chủ yếu được cho là do tình trạng bất ổn về thuế thương

mại và việc các doanh nghiệp đã đẩy mạnh xuất khẩu sớm trong những tháng đầu năm, dẫn đến chuỗi 5 tháng liên tiếp có mức giảm.[2]

Khu vực Trung Mỹ và Mexico, bao gồm các quốc gia Costa Rica, Guatemala, Honduras, Nicaragua và El Salvador, cũng ghi nhận sự xu hướng giảm. Tổng lượng xuất khẩu trong tháng 8/2025 giảm 12,10% so với cùng kỳ năm trước, xuống còn 1,03 triệu bao.

Ngược lại, khu vực châu Á cho thấy xu hướng tăng trưởng tích cực. Tổng lượng xuất khẩu của Việt Nam, Ấn Độ và Indonesia tăng 14,90% so với cùng kỳ, đạt 3,48 triệu bao. Đặc biệt, Việt Nam có mức tăng mạnh nhất, đạt 38,90%, tương đương 1,93 triệu bao trong tháng 8.[2]

Khu vực Châu Phi, xuất khẩu cà



phê tăng 4,10% lên 1,90 triệu bao, trong đó Uganda đóng vai trò nổi bật khi đạt 1 triệu bao, tăng 17,70% so với cùng kỳ năm trước.[2]

COLMBIA

Theo báo cáo của Liên đoàn Người trồng Cà phê Quốc gia Colombia (FNC), sản lượng cà phê của quốc gia này trong tháng 9 đạt tổng cộng 1,142,000 bao, tăng 70,000 bao, tương đương 6,53% so với cùng kỳ năm trước. Liên đoàn cũng cho biết sản lượng cà phê lũy kế của Colombia trong niên vụ cà phê 2024/25 (từ tháng 10/2024 đến tháng 9/2025) đạt tổng cộng 14,867,000 bao, tăng 2,109,000 bao, tương đương 16,53% so với cùng kỳ của niên vụ trước.[3]

Tính riêng tháng 9/2025, xuất khẩu cà phê của quốc gia này đạt 1,063,000 bao - tăng 7,70% (76,000 bao) so với cùng kỳ năm trước. Tổng lượng xuất khẩu cà phê lũy kế của Colombia trong niên vụ cà phê 2024/25 ghi nhận đạt 13,257,000 bao, tăng 1,435,000 bao (tăng 12,15% so với cùng kỳ của niên vụ trước).[3]



ETHIOPIA

Ethiopia đang tăng tốc triển khai các biện pháp toàn quốc nhằm tuân thủ Quy định chống mất rừng (EUDR) của Liên minh châu Âu để bảo đảm hoạt động xuất khẩu cà phê. Bộ Tài chính và Cơ quan Cà phê và Trà Ethiopia (ECTA) dẫn đầu sáng kiến phối hợp giữa các cơ quan chính phủ, đối tác phát triển và khu vực tư nhân, hướng tới xây dựng chuỗi cung ứng cà phê bền vững và đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế.[4]

Một nền tảng số quốc gia đã được thiết lập để truy xuất nguồn gốc cà phê từ nông trại đến xuất khẩu, với dữ liệu định vị được tập trung quản lý bởi ECTA nhằm tạo nguồn thông tin thống nhất, giảm trùng lặp và đơn giản hóa quy trình tuân thủ. Trước thời hạn EUDR, Ethiopia đã thống nhất thành lập Nhóm công tác kỹ thuật và tăng cường năng lực thể chế. Những nỗ lực này không chỉ giúp Ethiopia duy trì xuất khẩu sang thị trường châu Âu mà còn biến thách thức tuân thủ thành cơ hội củng cố vị thế cạnh tranh và phát triển bền vững ngành cà phê. [4]

BRAZIL

Sản lượng cà phê tại Brazil trong niên vụ 2025/26 được ước tính đạt khoảng 38 – 40 triệu bao cà phê Arabica và 27 triệu bao cà phê Conilon Robusta, với việc thu hoạch ở cả hai khu vực trồng Arabica và Conilon hiện đã hoàn tất. Theo báo cáo của Hiệp hội các nhà xuất khẩu cà phê Brazil (Cecafé), tổng lượng xuất khẩu cà phê arabica của Brazil trong hai tháng đầu niên vụ cà phê 2025/26 (từ tháng 7/2025 đến tháng 6/2026) giảm 15,67% so với cùng kỳ năm trước, đạt 4,25 triệu bao. Trong khi đó, xuất khẩu cà phê Conilon Robusta trong cùng giai đoạn chỉ đạt 1,08 triệu bao, giảm 41,62% so với năm trước.

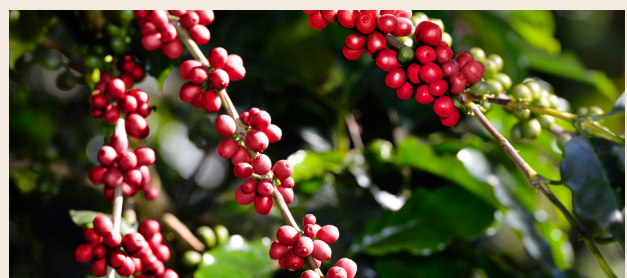
Nguyên nhân của việc xuất khẩu chững lại trong hoạt động trong hai tháng đầu niên vụ được cho là do tính thận trọng của thị trường tiêu thụ lớn ở Bắc bán cầu, bên cạnh các yếu tố bất lợi từ cấu trúc giá nghịch đảo trên thị trường kỳ hạn. Ngoài ra, tác động của mức thuế 50% mà Hoa Kỳ áp dụng đối với cà phê nhập khẩu từ Brazil, cùng với sự thiếu rõ ràng trong việc triển khai Quy định chống phá rừng của Liên minh châu Âu (EUDR) và tình trạng tắc nghẽn logistics, cũng góp phần làm giảm tốc độ xuất khẩu.

Điều kiện thời tiết tại Brazil đang thuận lợi cho quá trình ra hoa và hình thành vụ mùa cà phê 2026/2027.[5]

Dự kiến, vụ thu hoạch Arabica và Robusta sắp tới của Brazil sẽ bắt đầu vào giữa năm 2026, đóng vai trò nguồn cung chủ lực cho nhu cầu tiêu thụ nội địa cũng như nhu cầu nhập khẩu của các thị trường quốc tế trong giai đoạn nửa cuối năm 2026 đến giữa năm 2027.[5]

HÀN QUỐC

Theo số liệu của Cơ quan Hải quan Hàn Quốc, trong 8 tháng đầu năm 2025, lượng cà phê nhập khẩu của Hàn Quốc đạt 2,27 triệu bao, tăng 1,50% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khoảng 90% là cà phê nhân xanh dùng làm nguyên liệu chế biến, phần còn lại là sản phẩm cà phê rang xay hoàn chỉnh. Dữ liệu của Cơ quan Hải quan Hàn Quốc cho thấy Brazil chiếm khoảng 30% tổng lượng nhập khẩu trong năm 2024, trong khi Colombia và Việt Nam lần lượt giữ vị trí thứ hai và thứ ba.[6]

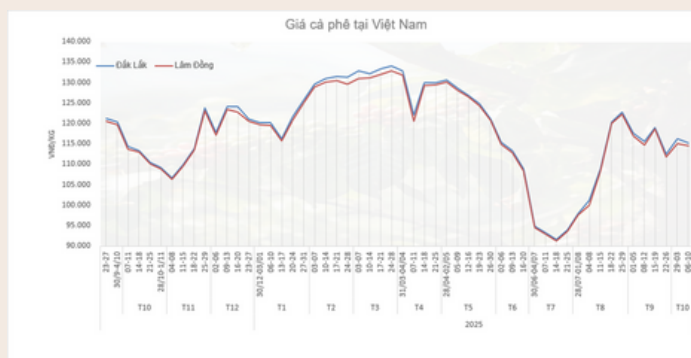




ĐIỂM TIN

- Giá cà phê tại Lâm Đồng và Đắk Lắk giảm so với tuần trước.
- Tháng 9/2025 Việt Nam xuất khẩu hơn 81.000 tấn cà phê, tăng 58% so với cùng kỳ năm ngoái
- Xuất khẩu cà phê Việt Nam sang Hoa Kỳ tháng 9/2025 tăng 81% so với tháng trước và 163% so với cùng kỳ năm ngoái.
- Ngành cà phê đang hoàn thiện cơ sở dữ liệu để đáp ứng quy định EUDR.
- Đắk Lắk ứng dụng công nghệ thực tế ảo truy xuất nguồn gốc cà phê.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC



Nguồn: CTV AgroInfo

GIÁ CÀ PHÊ TRONG TUẦN

Trong tuần từ 06/10/2025 đến ngày 10/10/2025, giá cà phê tại các tỉnh Lâm Đồng và Đắk Lắk giảm so với tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê bình quân đạt 115.293 VNĐ/kg, giảm 0,8% so với tuần trước, và tăng 0,8% so với cùng kỳ năm 2024. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 116.933 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 113.933 VNĐ/kg.[1]

Tại Lâm Đồng, giá cà phê trung bình đạt 114.580 VNĐ/kg, giảm 0,4% so với tuần trước, và tăng 0,7% so với cùng kỳ năm trước. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 116.500 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 113.000 VNĐ/kg. [1]

XUẤT KHẨU CÀ PHÊ THÁNG 9/2025.

Theo số liệu của Cục Hải quan, trong tháng 9/2025 Việt Nam xuất khẩu hơn 81.000 tấn cà phê, tăng 58% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt kim ngạch 462 triệu USD (tăng 61%). Tính chung 9 tháng đầu năm, xuất khẩu cà phê đạt hơn 1,2 triệu tấn, trị giá 7 tỷ USD, tăng 12% về lượng và 62% về giá trị. Giá cà phê nội địa hiện duy trì quanh mức 115.000 VNĐ/kg – chỉ thấp hơn 20.000 VNĐ/kg so với kỷ lục hồi tháng 3, do nguồn cung niên vụ 2024–2025 giảm bởi thời tiết bất lợi và nguồn hàng cuối vụ cạn kiệt.

Dự báo của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) cho thấy sản lượng cà phê Việt Nam niên vụ 2025/2026 có thể đạt 31 triệu bao, tăng gần 7% so với niên vụ trước nhờ điều kiện thời tiết thuận lợi và đầu tư mở rộng sản xuất. Tuy nhiên, theo Hiệp hội Cà phê – Ca cao Việt Nam (VICOFA), sản lượng thực tế vẫn phụ thuộc vào tình hình thu hoạch và thời tiết, trong khi giá cà phê khó có thể giảm mạnh. Mức giá 100.000 đồng/kg được xem là hợp lý, phản ánh đúng chi phí và giá trị thị trường.[2]

Ngoài ra, nhu cầu cà phê toàn cầu tiếp tục tăng, đặc biệt tại Trung Quốc – nơi tiêu thụ tăng 30% trong

bốn năm qua. Bên cạnh đó, việc Liên minh châu Âu áp dụng Quy định chống mất rừng (EUDR) trong tương lai gần sẽ hạn chế việc mở rộng diện tích trồng, có thể khiến nguồn cung toàn cầu thắt chặt, qua đó hỗ trợ giá cà phê duy trì ở mức cao trong năm tới.[2]

XUẤT KHẨU CÀ PHÊ VIỆT NAM SANG HOA KỲ

Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Hoa Kỳ đang tăng trưởng mạnh mẽ, mở ra cơ hội lớn trong bối cảnh Brazil – đối thủ cạnh tranh chính – chịu mức thuế nhập khẩu lên tới 50%. Theo Tổng cục Hải quan, riêng tháng 9, Việt Nam đã xuất khẩu hơn 5.500 tấn cà phê sang Hoa Kỳ, tăng 81% so với tháng trước và tăng tới 163% so với cùng kỳ năm ngoái. Tính chung 9 tháng đầu năm, tổng khối lượng đạt 70.834 tấn, trị giá hơn 387 triệu USD, tăng 10% về lượng và 65% về giá trị. Giá bán cà phê bình quân sang thị trường Hoa Kỳ đạt 5.471 USD/tấn, cao hơn 53% so với cùng kỳ. Dù triển vọng tăng trưởng được đánh giá tích cực, các chuyên gia và doanh nghiệp cho rằng Việt Nam vẫn cần giải quyết những rào cản về thói quen tiêu dùng thương hiệu.[3]

TÌNH HÌNH THÍCH ỨNG EUDR CỦA NGÀNH CÀ PHÊ.

Công tác tuân thủ Quy định chống phá rừng của Liên minh châu Âu (EUDR) trong ngành cà phê Việt Nam đang được Bộ Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với các địa phương và tổ chức quốc tế triển khai thông qua xây dựng cơ sở dữ liệu truy xuất nguồn gốc vùng trồng. Tính đến nay, 95% khối lượng công việc của cơ sở dữ liệu vùng EUDR đã hoàn thành, với 137.000 ha cà phê đã được số hóa thông tin vùng trồng; dự kiến trong giai đoạn tới, diện tích thu thập dữ liệu sẽ đạt 462.000 ha, tương đương 80% tổng diện tích cà phê toàn vùng.[4]

Tại tỉnh Đắk Lắk, trong khuôn khổ Chương trình Compact (2021–2025) do IDH hỗ trợ, các hoạt động sản xuất bền vững gắn với bảo tồn tài nguyên và an sinh xã hội đang được triển khai tại ba huyện Krông Năng, Cư M'gar và Ea H'leo, với tổng quy mô 94.432 ha cà phê. Đồng thời, IDH và JDE Peet's đã phối hợp thí điểm các giải pháp thích ứng EUDR tại khu vực này. Tỉnh đang tiếp tục xây dựng cơ sở dữ liệu lâm nghiệp, thu thập dữ liệu đến từng hộ và tăng cường kiểm soát.[4]

ĐẮK LẮK

Công ty Simexco Đắk Lắk đã tiên phong ứng dụng công nghệ thực tế ảo VR 360 trong truy xuất nguồn gốc cà phê, cho phép khách hàng tham quan toàn bộ quy trình sản xuất từ nông trại đến nhà máy và kiểm chứng thông tin về xuất xứ, tiêu chuẩn và chất lượng sản phẩm một cách minh bạch, trực quan và đáng tin cậy.[5]

Tại Hội chợ quốc tế Anuga 2025 (Đức), Simexco đã giới thiệu mô hình này, kết hợp AI Chatbot hỗ trợ khách hàng toàn cầu truy cập thông tin, đặt hàng và theo dõi đơn hàng trực tuyến 24/7. Doanh nghiệp đồng thời triển khai bản đồ nông nghiệp số cho ngành cà phê và hồ tiêu, bao phủ 50.000 hộ nông dân, góp phần thực hiện mục tiêu 30% GRDP từ kinh tế số của tỉnh Đắk Lắk.[5]

Tháng 3/2025, Simexco ký kết hợp tác với MISS EDE nhằm xây dựng chuỗi cung ứng cà phê đạt chuẩn EUDR và các chứng chỉ bền vững (4C, Rainforest Alliance), hướng tới xuất khẩu cà phê thành phẩm sang thị trường EU, khẳng định vai trò tiên phong của Simexco trong chuyển đổi số và phát triển nông nghiệp bền vững tại Đắk Lắk.[5]

GIÁ CÀ PHÊ NHÂN XÔ

ĐVT: VNĐ/kg

Tỉnh/ huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/ giảm
LÂM ĐỒNG	116.500	115.800	113.000	114.000	113.600	114.580	-480
Di Linh	116.500	115.800	113.000	114.000	113.600	114.580	-480
Lâm Hà	116.500	115.800	113.000	114.000	113.600	114.580	-480
Bảo Lộc	116.500	115.800	113.000	114.000	113.600	114.580	-480
ĐẮK LẮK	116.933	116.233	113.933	114.933	114.433	115.293	-980
Cư M'gar	117.000	116.300	114.000	115.000	114.500	115.360	-980
Ea H'leo	116.900	116.200	113.900	114.900	114.400	115.260	-980
Buôn Hồ	116.900	116.200	113.900	114.900	114.400	115.260	-980
ĐẮK NÔNG	116.950	116.250	113.950	114.950	114.450	115.310	-1.080
Gia Nghĩa	117.000	116.300	114.000	115.000	114.500	115.360	-1.080
Đắk R'lấp	116.900	116.200	113.900	114.900	114.400	115.260	-1.080
GIA LAI	116.733	116.033	113.433	114.433	113.933	114.913	-1.147
Chư Prông	116.800	116.100	113.500	114.500	114.000	114.980	-1.200
Pleiku	116.700	116.000	113.400	114.400	113.900	114.880	-1.045
La Grai	116.700	116.000	113.400	114.400	113.900	114.880	-1.120
KON TUM	116.700	116.000	113.400	114.400	113.900	114.880	-1.120
Đắk Hà	116.700	116.000	113.400	114.400	113.900	114.880	-1.120

Nguồn: CTV Agreinfos, Giacaphe.com

TÀI LIỆU THAM KHẢO

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- [1]: <https://www.investing.com>
- [2]: <https://ico.org>
- [3]: <https://www.iandmsmith.com>
- [4]: <https://coffeegeography.com>
- [5]: <https://www.iandmsmith.com>
- [6]: <https://www.koreatimes.co.kr>

THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

- [1]: Cộng tác viên của Agreinfos
- [2]: <https://doanhnghiepkinhdoanh.doanhnhanvn.vn>
- [3]: <https://vietnambiz.vn>
- [4]: <https://baodaklak.vn>
- [5]: <https://congthuong.vn>



Hệ thống thông tin thị trường cho một số ngành hàng nông sản chiến lược - gạo, cà phê và rau quả